

THÔNG BÁO LUỒNG
 (Tháng 02 năm 2020)

I. Tình hình mực nước:

TT	Sông	Trạm	Mực nước lớn nhất trong tháng (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (Hmin)		Ghi chú
			Mực nước (m)	Thời gian	Mực nước (m)	Thời gian	
1	Sông Hiếu	Sông Hiếu	+0,63	16h00 ngày 14/02/2020	-0,40	18h00 ngày 23/02/2020	
2	Thạch Hãn	Thạch Hãn	+0,73	16h00 ngày 01/02/2020	-0,48	22h00 ngày 13/02/2020	
3	Bến Hải	Bến Hải	+0,57	16h00 ngày 14/02/2020	-0,65	20h00 ngày 11/02/2020	

II. Tình hình luồng:

TT	Tuyến Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h _{min} (m)	Độ sâu lớn nhất h _{max} (m)	Độ sâu thực đo h (m)	Chiều rộng B (m)
A	Sông Hiếu						
I		Cầu					
1		Cửa Việt	Km0+150	11,97	13,00	12,60	50
2		Đông Hà	Km15+00	7,78	8,81	8,41	25
3		Đường sắt Đông Hà	Km16+550	6,34	7,37	6,97	25
4		Sông Hiếu	Km18+550	9,85	10,88	10,48	25
5		Cầu Treo	Km21+400	5,93	6,96	6,56	80
6		Cam Hiếu	Km22+600	7,50	8,53	8,13	25
II		Đường dây điện					
1		110KV	Km12+300	18,79	19,82	19,42	
2		500KV	Km20+400	28,93	29,96	29,56	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km12+850	-1,16	-0,13	-0,53	
2		Kè mở hàn	Km13+500	-1,08	-0,05	-0,45	
3		Trụ cầu đường sắt	Km16+550	2,40	3,43	3,03	
4		Kè mở hàn	Km25+450	-1,19	-0,16	-0,56	
B	Thạch Hãn						
I		Cầu					
1		Phao Trung Yên	Km2+00	1,70	2,91	2,43	4,5

2		Đại Lộc	Km 4+700	8,70	9,91	9,43	25
3		An Mô (cũ)	Km11+300	5,60	6,81	6,33	15
4		An Mô (mới)	Km11+300	8,25	9,46	8,98	25
5		Thành Cổ	Km14+770	8,47	9,68	9,20	40
6		Đường bộ Thạch Hãn	Km16+900	7,72	8,93	8,45	20
7		Đường sắt Thạch Hãn	Km17+00	6,95	8,16	7,68	30
II		Đường dây điện					
1		35KV, đường dây VNPT	Km1+950	5,92	7,13	6,65	
2		35KV	Km5+000	9,29	10,50	10,02	
3		110KV	Km16+000	19,02	20,23	19,75	
4		110KV	Km17+800	19,03	20,24	19,76	
5		500KV	Km23+000	29,06	30,27	29,79	
III		Vật chướng ngại					
1		Bãi đá ngầm	Km9+000	-1,04	0,17	-0,31	
2		Kè mở hàn	Km12+500	-1,15	0,06	-0,42	
3		Kè mở hàn	Km13+000	-1,20	0,01	-0,47	
4		Kè mở hàn	Km13+300	-1,18	0,03	-0,45	
5		Kè mở hàn	Km13+600	-1,42	-0,21	-0,69	
6		Kè mở hàn	Km13+750	-1,36	-0,15	-0,63	
7		Kè mở hàn	Km13+900	-1,37	-0,16	-0,64	
8		Bãi đá ngầm	Km16+300	-0,43	0,78	0,30	
9		Bãi đá ngầm	Km17+250	-0,30	0,91	0,43	
C	Bến Hải						
I		Cầu					
1	Nhánh Sa Lung	Cửa Tùng	Km 0+750	11,63	12,85	12,20	50
2		Hiền Lương (di tích)	Km 9+800	2,64	3,86	3,21	26
3		Hiền Lương	Km 9+800	6,72	7,94	7,29	30
4		Châu Thị (mới)	Km15+800	7,83	9,05	8,40	15
5		Phúc Lâm	Km18+00	3,79	5,01	4,36	13
6		Đường sắt Sa Lung	Km22+350	3,85	5,07	4,42	15
7	Nhánh Bến Tắt	Cầu phao Huỳnh Xá Hạ	Km1+600	1,38	2,60	1,95	5
8		Hiền Lương II	Km3+700	9,73	10,95	10,30	25
9		Đường sắt Tiên An	Km5+350	3,31	4,53	3,88	42
II		Đường dây điện					
1		35KV, Đường dây VNPT	Km2+750	9,13	10,35	9,70	
2		110KV	Km9+400	2,99	4,21	3,56	
3		110KV	Km15+200	4,03	5,25	4,60	
4		500KV	Km12+000	29,29	30,51	29,86	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km4+150	-1,15	0,07	-0,58	

2		Kè mở hàn	Km4+700	-1,23	-0,01	-0,66	
3		Trụ cầu đường sắt Sa Lung	Km22+380	1,75	2,97	2,32	

III. Bãi cạn:

TT	Tuyến Sông	Tên bãi cạn	Lý trình	Độ sâu	Mực nước	Cao độ	Chiều rộng	Chiều dài	Ngày đo
				h(m)	H(m)	Z(m)	B(m)	L(m)	
I Sông Hiếu									
1		Đông Giang	Km15+200 ÷ Km16+000	1,50	-0,27	-1,77	80	200	16h00 ngày 20/2/2020
2		Đông Thanh	Km16+500 ÷ Km17+300	1,30	-0,26	-1,56	80	150	15h00 ngày 20/2/2020
3		Lâm Lang 2	Km25+000 ÷ Km25+800	1,80	0,25	-1,55	80	800	10h00 ngày 20/2/2020
II Thạch Hãn									
1		Như Lệ	Km21+900 ÷ Km22+600	1,84	-0,15	-1,99	80	500	14h00 ngày 21/02/2020
2		Ba Lòng	Km43+400 ÷ Km45+900	0,93	+0,5	-0,43	80	1500	13h00 ngày 18/02/2020
III Bến Hải									
1		Cửa Tùng	Km0+000 ÷ Km2+000	1,70	0,10	-1,60	80	1500	10h00 ngày 19/02/2020

IV. Một số điều lưu ý:

1. Dự báo tình hình mực nước tháng kế tiếp:

Thời tiết trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chuẩn bị bước sang mùa khô, mực nước trung bình trên các tuyến sông giảm dần. Luồng qua khu vực các bãi cạn như Đông Giang, Ba Lòng, Cửa Tùng bị bồi lấp gây khó khăn cho các phương tiện thủy khi di chuyển qua khu vực, nguy cơ gây mất an toàn giao thông đường thủy.

Tại Km17+700 tuyến sông Hiếu đang triển khai thi công công trình Đập ngăn mặn. Đề nghị các phương tiện thủy di chuyển qua khu vực chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo và hướng dẫn của Trạm điều tiết để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.

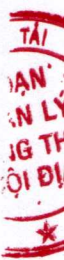
2. Tình hình hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông:

* Các mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp phép khai thác:

- Sông Thạch Hãn: có 05 vị trí:

+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công tại Km22+600;

+ Công ty Cổ phần Thiên Phú tại Km 22+900;



+ Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi Như Lệ tại Km 23+000;

+ Công ty TNHH MTV Nguyên Hà tại Km 38+700;

+ Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị tại Km 37+000.

- Sông Bến Hải: không có.

- Sông Hiếu: không có.

Đoạn Quản lý đường thủy nội địa Quảng Trị thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn./.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;

- Phòng QL KCHT GT;

- Lưu: VT, KH.



Phạm Uy Vũ

